

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐHXD MIỀN TÂY

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM
KỲ THI KTHP HỌC KỲ III NĂM HỌC 2022-2023

Trình độ: ĐẠI HỌC; Ngày thi: 22/8/2023

Môn: KINH TẾ NGÀNH NƯỚC

(Đáp án - thang điểm gồm 02 trang)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
	1	Ưu và nhược điểm của chỉ tiêu AV ★ Ưu điểm Dùng để so sánh giữa các dự án có tuổi thọ khác nhau, có nhiều lần đầu tư bổ sung không giống nhau ★ Nhược điểm - AV phụ thuộc nhiều vào tỷ suất chiết khấu dùng để tính toán. Việc xác định tỷ suất chiết khấu là rất khó khăn trong thị trường vốn đầy biến động. - Chỉ tiêu này chưa nói lên hiệu quả sử dụng một đồng.	0,5 0,5
	1	Ưu và nhược điểm của chỉ tiêu IRR ★ Ưu điểm Dùng cho biết lãi suất tối đa mà dự án có thể chấp nhận được, nhờ vậy có thể xác định và lựa chọn lãi suất tính toán cho dự án. ★ Nhược điểm - Tốn nhiều thời gian tính toán . - Trường hợp có các dự án loại bỏ nhau, việc sử dụng IRR để chọn sẽ dễ dàng đưa đến bỏ qua dự án có quy mô NPV lớn . - Dự án có đầu tư bổ sung lớn làm NPV thay đổi dấu nhiều lần, khi đó khó xác định được IRR.	0,25 0,75
		Tổng điểm câu 1	2,0
2	1	Chi phí sản xuất: $300.000.000.000 + 229.710.000.000 + 391.375.600.000 = 921.085.600.000$ (đồng)	0,5
		Chi phí sản xuất kinh doanh: $921.085.600.000 + 247.300.000.000 + 221.900.000.000 = 1.390.285.600$ (đồng)	0,5
		Số lượng nước sản xuất = $1.500.000 \times 365 = 547.500.000$ (m ³)	0,5
		Số lượng nước hao hụt = $547.500.000 \times 12\% = 65.700.000$ (m ³)	0,5
	Số lượng nước thương phẩm = $547.500.000 - 65.700.000 = 481.800.000$ (m ³)	0,5	
		Gía thành toàn bộ 01m ³ nước sạch bình quân:	

	$1.390.285.600 / 481.800.000 = 2.885,61$ (đồng/(m ³))	0,5
	Gía thành tiêu thụ 01m ³ nước sạch bình quân: $2.885,61 + 2.885,61 \times 8\% = 3.116,46$ (đồng/m ³)	0,5
2	Sinh hoạt các hộ dân cư (từ 01m ³ – 10m ³ đầu tiên) $3.116,46 \times 0,8 = 2.493,17$ (đồng/(m ³))	0,5
3	Sinh hoạt các hộ dân cư (từ 10m ³ – 20m ³) $3.116,46 \times 1,0 = 3.116,46$ (đồng/(m ³))	0,5
4	Sinh hoạt các hộ dân cư (từ 20m ³ – 30m ³) $3.116,46 \times 1,2 = 3.739,75$ (đồng/(m ³))	0,5
5	Sinh hoạt các hộ dân cư (trên 30 m ³) $3.116,46 \times 2,5 = 7.791,15$ (đồng/(m ³))	0,5
6	Số tiền phải trả áp dụng cho hộ dân cư tiêu thụ 35 m ³ /tháng $2.493,17 \times 10 + 3.116,46 \times 10 + 3.739,75 \times 10 + 7.791,15 \times 5 = 132.449,55$ (đồng)	0,5
	Tổng điểm câu 2	6,0
1	$NPV = -C_0 + \frac{(B_1 - C_1)}{(1+r)^1} + \frac{(B_2 - C_2)}{(1+r)^2} + \dots + \frac{(B_n - C_n)}{(1+r)^n} + \frac{H}{(1+r)^n}$	0,5
3	$NPV_A = -250 + \frac{(120 - 40)}{(1+5\%)^1} + \frac{(140 - 30)}{(1+5\%)^2} + \frac{(160 - 20)}{(1+5\%)^3} + \frac{4}{(1+5\%)^3}$ = 50,356 triệu đồng	0,5
	$NPV_B = -300 + \frac{(130 - 45)}{(1+5\%)^1} + \frac{(170 - 30)}{(1+5\%)^2} + \frac{(150 - 25)}{(1+5\%)^3} + \frac{5}{(1+5\%)^3}$ = 20,235 triệu đồng	0,5
2	$NPV_A > NPV_B > 0 \Rightarrow$ Chọn dự án A	0,5
	Tổng điểm câu 3	2,0
	Tổng cộng	10,0